

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ**

Số: 336/QĐ-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thanh Hoá, ngày 07 tháng 9 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng
công trình đường giao thông liên thôn bản Sơn đi bản Ché Lầu,
xã Sơn Thủy, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 4734/QĐ-UBND ngày 07/12/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án “Xây dựng điểm điển hình giảm nghèo nhanh và bền vững tại các huyện nghèo tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn năm 2016-2020”;

Căn cứ Quyết định số 1564/QĐ-UBND ngày 12/5/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt hỗ trợ kinh phí tập huấn, phổ biến kiến thức đưa người Khơ Mú đi học tập kinh nghiệm và kinh phí xây dựng các công trình phúc lợi thuộc chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững năm 2017;

Xét Tờ trình số 2871/TTr-SGTVT ngày 22/8/2017 của Giám đốc Sở Giao thông vận tải về việc đề nghị phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình đường giao thông liên thôn bản Sơn đi bản Ché Lầu, xã Sơn Thủy, huyện Quan Sơn; kèm theo hồ sơ thiết kế và báo cáo kết quả thẩm định số 2870/SGTVT-TĐKHKT ngày 22/8/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình đường giao thông liên thôn bản Sơn đi bản Ché Lầu, xã Sơn Thủy, huyện Quan Sơn; với những nội dung chính sau:

1. Tên công trình: Đường giao thông liên thôn bản Son đi bản Ché Lầu, xã Sơn Thủy, huyện Quan Sơn.

2. Thuộc Đề án: Xây dựng điểm điển hình giảm nghèo nhanh và bền vững tại các huyện nghèo tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn năm 2016 - 2020.

3. Chủ đầu tư: Ban Dân tộc tỉnh Thanh Hóa.

4. Mục tiêu đầu tư: Đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân và lưu thông hàng hóa trong phạm vi các thôn bản thuộc xã Sơn Thủy, huyện Quan Sơn; góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhằm sớm hoàn thành mục tiêu giảm nghèo theo Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo nhanh và bền vững ở các huyện miền núi Thanh Hóa đến năm 2020.

5. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng

Đầu tư xây dựng 1.818,45m đường giao thông nông thôn đạt tiêu chuẩn cấp B theo TCVN 10380 - 2014; chiều rộng nền đường $B_n=5\text{m}$; mặt đường $B_m=3,5\text{m}$; chiều rộng lề đường $B_{l\grave{e}}=2\times 0,75=1,5\text{m}$; vận tốc thiết kế $V_{tk}=20\text{km/h}$, có chãm trước bán kính đường cong nằm và độ dốc dọc; mặt đường bê tông xi măng; điểm đầu tiếp nối với đường bê tông xi măng tại cuối bản Son và điểm cuối tiếp nối với tuyến đường đất tại bản Ché Lầu.

6. Nhà thầu khảo sát, thiết kế và lập dự toán xây dựng công trình: Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng Tam Sơn.

7. Chủ trì thiết kế: Nguyễn Khắc Cơ; chủ trì khảo sát: Trịnh Tú Lợi; chủ trì lập dự toán xây dựng công trình: Kỹ sư định giá Lê Anh Tuấn.

8. Danh mục quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng: Chấp thuận danh mục quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng theo đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Văn bản số 2870/SGTVT-TĐKHKT ngày 22/8/2017.

9. Giải pháp thiết kế chủ yếu

a) Bình đồ tuyến: Tuyến đi trùng đường cũ, mở rộng cục bộ nền đường tại một số vị trí để đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật cấp đường. Toàn tuyến có 74 đường cong nằm, bán kính đường cong nằm nhỏ nhất $R_{\min}=10\text{m}$.

b) Trắc dọc tuyến: Cao độ đường đồ được thiết kế trên cơ sở tận dụng nền đường cũ, hạn chế khối lượng đào đắp; đảm bảo sự êm thuận khi xe chạy, yêu cầu kỹ thuật, cao độ không chế tại cống và điểm đầu tuyến đường do kết nối với đường hiện trạng; độ dốc dọc lớn nhất $I_{\max}=16\%$.

c) Mặt cắt ngang tuyến: Chiều rộng nền đường $B_n=5,0\text{m}$; chiều rộng mặt đường $B_m=3,5\text{m}$, lề đường $B_{l\grave{e}}=2\times 0,75=1,5\text{m}$; độ dốc ngang mặt đường $i_{\text{mặt}}=3\%$ nghiêng về phía ta luy âm, lề đường $i_{l\grave{e}}=4\%$.

Đối với các đoạn tuyến nằm trong đường cong nằm có bán kính nhỏ hơn 50m bố trí mở rộng mặt đường phân xe chạy theo quy định.

d) Mặt đường: Mặt đường bằng bê tông xi măng M250 dày 20cm trên lớp nilông chống mất nước, móng bằng đá dăm (4x6)cm chèn đá dăm dày 12cm.

Bố trí 04 điểm tránh xe với khoảng cách trung bình 500m/01 điểm; chiều rộng mặt đường mở thêm rộng 2,5m.

e) Nền đường

- Nền đường đắp bằng đất, độ chặt yêu cầu $K \geq 0,95$; độ dốc mái ta luy 1/1,5;

- Đối với nền đường đào: đào nền đường đến cao độ đáy móng đường, lu lèn đảm bảo độ chặt yêu cầu; độ dốc mái ta luy 1/1.

f) Thoát nước mặt đường: Bằng chảy tỏa về phía ta luy âm.

g) Công trình thoát nước ngang: Thiết kế mới 09 cống thoát nước ngang, chiều rộng bằng chiều rộng nền đường; gồm 08 cống bán loại $B=0,75m$ và 01 cống bán loại $B=1,0m$; kết cấu: Móng cống, tường cánh, sân cống bằng bê tông M150 đặt trên lớp đá dăm đệm dày 10cm, mũ mố bằng BTCT M200, tấm bản bằng BTCT M250, lớp phủ bản bằng bê tông M250 dày 6cm.

h) Hệ thống an toàn giao thông: bố trí hệ thống cọc tiêu, biển báo hiệu theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2016/BGTVT.

10. Địa điểm xây dựng: Xã Sơn Thủy, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

11. Diện tích sử dụng đất: 1,62 ha.

12. Phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư: Nằm trong phạm vi nền đường cũ, không thực hiện giải phóng mặt bằng.

13. Loại, cấp công trình: Công trình giao thông, cấp IV.

14. Dự toán xây dựng công trình: **5.700.000.000 đồng**

(Bằng chữ: Năm tỷ, bảy trăm triệu đồng)

Trong đó:	- Chi phí xây dựng	: 4.545.226.000 đồng.
	- Chi phí quản lý dự án	: 121.316.000 đồng.
	- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	: 471.171.000 đồng.
	- Chi phí khác	: 318.390.000 đồng.
	- Chi phí dự phòng	: 243.897.000 đồng.

(Chi tiết dự toán có phụ lục kèm theo)

15. Nguồn vốn: Kinh phí chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững trong dự toán ngân sách tỉnh năm 2017.

16. Số bước thiết kế: 01 bước thiết kế bản vẽ thi công.

17. Thời gian thực hiện: năm 2017 - 2018.

18. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

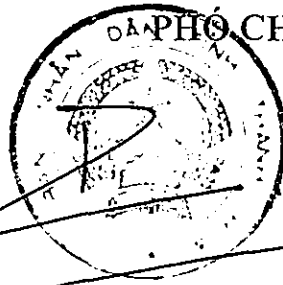
Điều 2. Trường Ban Dân tộc tổ chức thực hiện theo đúng các quy định hiện hành về đầu tư xây dựng. Trong bước tiếp theo, có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại báo cáo kết quả thẩm định số 2870/SGTVT-TĐKHKT ngày 22/8/2017.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính; Giám đốc kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Trưởng Ban Dân tộc và Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *TPH*

Nơi nhận:

- Như Điều 3-QĐ;
 - Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
 - Phó Chủ tịch Phạm Đăng Quyền;
 - Phó CVP Phạm Đình Minh;
 - Lưu: VT, VX.
- DTMN/2017/Ngọc.

KT. CHỦ TỊCH *[Signature]*
PHÓ CHỦ TỊCH *[Signature]*

[Signature]
Phạm Đăng Quyền

PHỤ LỤC: BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN XÂY DỰNG

Công trình: Đường giao thông liên thôn bản Sơn đi bản Ché Lầu, xã Sơn Thủy, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa

(Kèm theo Quyết định số: 3.846/QĐ-UBND ngày 07 tháng 9 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: Đồng

STT	Hạng mục chi phí		Diễn giải	Giá trị trước thuế	Thuế GTGT	Dự toán xây dựng công trình
I	Chi phí xây dựng		Dự toán chi tiết	4,132,023,957	413,202,396	4,545,226,000
II	Chi phí Quản lý dự án	2.936%	x 4,132,023,957	121,316,223		121,316,000
III	Chi phí Tư vấn đầu tư xây dựng			290,621,000	28,511,707	471,171,000
1	Chi phí lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật	3.345%	x 4,132,023,957	138,216,201	13,821,620	152,038,000
2	Chi phí khảo sát		Dự toán chi tiết	135,160,820	13,516,082	148,677,000
3	Chi phí giám sát công tác khảo sát xây dựng	4.072%	x 135,160,820	5,503,749	-	5,504,000
4	Chi phí giám sát thi công xây dựng	3.203%	x 4,132,023,957	132,348,727	13,234,873	145,584,000
5	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu tư vấn	0.816%	405,725,749	3,310,722	331,072	3,642,000
6	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu xây dựng	0.346%	4,132,023,957	14,296,803	1,429,680	15,726,000
IV	Chi phí khác			293,156,335	25,231,996	318,390,000
1	Phí thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật	0.019%	x 5,700,000,000	1,083,000	-	1,083,000
2	Phí thẩm định thiết kế bản vẽ thi công	0.109%	x 4,132,023,957	4,503,906	-	4,504,000
3	Phí thẩm định dự toán xây dựng công trình	0.106%	x 4,132,023,957	4,379,945	-	4,380,000
4	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu	0.100%	x 4,991,525,000	4,991,525	-	4,992,000
5	Chi phí xây dựng nhà tạm để ở và điều hành thi công	2.000%	x 4,132,023,957	82,640,479	8,264,048	90,905,000
6	Chi phí phục vụ trực tiếp thi công xây dựng công trình	2.000%	x 4,132,023,957	82,640,479	8,264,048	90,905,000
7	Chi phí kiểm toán	1.527%	x 5,700,000,000	87,039,000	8,703,900	95,743,000
8	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	0.908%	x 0,5 x 5,700,000,000	25,878,000	-	25,878,000
V	Chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh	4.47%	x 5,456,103,000			243,897,000
Tổng mức đầu tư xây dựng công trình			I+II+III+IV+V			5,700,000,000

(Chữ ký và đóng dấu)